TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HỒNG BÀNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/HS-ST
Ngày 30-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Thu

Bà Nguyễn Thị Phin

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hình sự thụ lý số 107/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Đỗ Thị Vân A; sinh năm: 1981; tại Hải Phòng; ĐKHKTT: số A8/55 Bùi Thị Từ N, TDP Đoạn X, Đ, Hải An, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: ngõ 88 Điện Biên Phủ, M, H, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân K và bà Nguyễn Thị D; chồng là Phạm Văn H (đã ly hôn), có hai con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Đỗ Thành L; sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1988; cùng cư trú: Thôn 7, H, T, Hải Phòng. Anh L có mặt, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 03/2022 vợ chồng chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Thành L; ở thôn 7, Ho, T, Hải Phòng được giới thiệu đến gặp Đỗ Thị Vân A để nhờ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất của gia đình tại Hoàng Động, Thủy Nguyên. Anh L đưa các tài liệu về thửa đất cho Vân A và nói rõ về tình trạng thửa đất và các vấn đề vướng mắc về pháp lý cho Vân A biết. Sau đó, Vân A chủ động gọi lại cho anh L, chị N và hứa sẽ nhờ người làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh L với tổng chi phí là 650.000.000 đồng và yêu cầu gia đình anh L phải chuyển trước số tiền 350.000.000 đồng, hẹn sau 03 tháng sẽ hoàn thành xong thủ tục, khi lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình anh L sẽ chuyển số tiền còn lại cho Vân A. Gia đình anh L chị N đồng ý với những yêu cầu của Vân A.

Ngày 04/06/2022, tại nhà của V ở địa chỉ ngõ 88 Điện Biên Phủ, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng, anh Nguyễn Khắc H (em trai của anh L), được anh L nhờ chuyển tiền, nên anh Huân đã chuyển khoản từ tài khoản của anh Huân đến số tài khoản của Đỗ Thị Vân A (số 0031000234434, tại ngân hàng Vietcombank) số tiền 350.000.000 đồng với nội dung: "Em L chuyển khoản đặt cọc tiền nhờ làm bìa đỏ". Tuy nhiên, sau thời gian 03 tháng gia đình anh L không nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như lời Vân A nói đồng thời Vân A hứa hẹn thời gian sau nhưng tiếp tục thất hứa nhiều lần. Gia đình anh L chị N đã nhiều lần đến yêu cầu Vân A trả lại số tiền 350.000.000 đồng nhưng Vân A không trả với lý do số tiền trên đã được Vân A chuyển cho người có tên là Phương để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 07/3/2023, Vân A viết giấy biên nhận số tiền trên với anh L, chị N và cam kết nếu đến ngày 31/03/2023 Vân A vẫn không giải quyết xong công việc thì Vân A sẽ trả lại cho anh L, chị N toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 10/4/2023. Ngày 11/04/2023, do chị N đòi gay gắt, Vân A trả cho chị N số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại hiện nay Vân A vẫn chưa trả.

Tiến hành triệu tập Đỗ Thị Vân A lên làm việc, tại Cơ quan điều tra Đỗ Thị Vân A không thừa nhận hành vi của mình và khai: ngày 04/06/2022 Vân A nhận của gia đình anh L số tiền 350.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền trong tài khoản thì Vân A đã sử dụng vào các việc cá nhân, tuy nhiên đến ngày 05/06/2022 Vân A đã lấy tiền cá nhân của mình để chuyển cho một người tên Nguyễn Văn P (sinh năm 1964, địa chỉ số 582 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng) để nhờ Phương làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giúp gia đình anh L, chị N. Vân A đã đến nhà Phương nhiều lần và liên lạc với Phương qua số điện thoại 0702248968 để nhờ làm giúp việc của gia đình anh L. Đến tháng 9/2022, Vân A vẫn chưa làm được giấy tờ, chị N yêu cầu Vân A phải hoàn trả lại số tiền 350.000.000 đồng nên Vân A nhiều lần khất hẹn. Ngày 11/04/2023 Vân A đã chuyển khoản trả cho chị N số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại là 320.000.000 đồng Vân A chưa có để trả lại cho gia đình anh L.

Tiến hành sao kê đối với tài khoản của Đỗ Thị Vân A tại Ngân hàng Vietcombank thể hiện sau khi nhận được khoản tiền 350.000.000 đồng từ gia đình

anh L, chị N thì Vân A đã thực hiện nhiều giao dịch chuyển tiền đến nhiều cá nhân khác nhau. Xác minh, ghi lời khai đối với những người nhận tiền từ tài khoản của Vân A chuyển đến, kết quả đây là các khoản Vân A thanh toán tiền mua hàng, phí giao hàng và trả nợ cho các cá nhân trên. Trong số những cá nhân trên không có ai nhận tiền từ Vân A để thực hiện việc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, kết quả: Hiện trạng thửa đất số 566, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thôn 7 H, huyện T, có 03 hộ đang sử dụng gồm bà Nguyễn Thị C(vợ ông Nguyễn Văn Ruệ), ông Nguyễn Khắc H (con trai ông Nguyễn Văn Ruệ), ông Đỗ Thành L (con trai ông Nguyễn Văn R). Thửa đất trên chưa nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thủy Nguyên".

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiến hành xác minh người có tên là Phương và địa chỉ nhà Phương theo lời khai của Vân A, kết quả: Tại địa chỉ số 580 - 582 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng (theo lời Vân A khai) không có ai tên là Nguyễn Văn Phương (sinh năm 1964) đăng ký thường trú hoặc sinh sống ở địa chỉ trên. Địa chỉ số 580 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân là nhà anh Hoàng Tiến D (sinh năm 1977, cư trú từ năm 2018 đến nay, không cho ai thuê, ở nhờ tên Nguyễn Văn P). Địa chỉ số 582 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng là bãi gửi xe tư nhân, không có người ăn ở sinh hoạt, không có hộ dân đăng ký cư trú.

Theo số điện thoại 0702248968 do Vân A cung cấp và lưu tên trong điện thoại là "Phương đất", qua xác minh đây là số điện thoại của người có tên Nguyễn Dương H (sinh năm 1987, địa chỉ phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên). Anh H không biết Phương hay Vân A là ai và cũng không có mối quan hệ gì với họ. Trước đây anh Huy bán sim thẻ điện thoại nên sử dụng thông tin cá nhân để đăng ký nhiều sim số điện thoại, không nhớ có đăng ký số điện thoại 0702248968 hay không. Hiện số điện thoại 0702248968 không còn hoạt động.

Tại bản Kết luận giám định số 219 ngày 14/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: "Chữ viết, chữ ký mang tên Đỗ Thị Vân A tại giấy nhận tiền ghi ngày 07/3/2023 với các mẫu so sánh là chữ viết, chữ ký của Đỗ Thị Vân A khi làm việc tại Cơ quan điều tra là của một người".

Bản Cáo trạng số 85/2024/CT-VKS ngày 24/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố Đỗ Thị Vân A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, mà chỉ làm dịch vụ cho gia đình anh L. Qua đấu tranh tại phiên toà bị cáo Vân A khai nhận, sau khi bị cáo nhận tiền của anh L 350.000.000 đồng, bị cáo không dùng tiền đó đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh L, mà dùng số tiền đó để

thanh toán tiền mua hàng, phí giao hàng và trả nợ cho các cá nhân khác, phù hợp lời khai bị hại, như nội dung vụ án đã nêu trên. Tại phiên toà bị hại anh L xuất trình giấy biên nhận số tiền 20.000.000 đồng, do anh Phạm Văn Hùng (chồng cũ bị cáo) bồi thường thay cho bị cáo và đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174; điểm b, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Thị Vân A từ 10 năm tù đến 10 năm 06 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và chưa xác minh được bị cáo có tài sản riêng, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1, Điều 584, Khoản 1, Điều 585, Khoản 1, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo phải bồi thường cho Anh Đỗ Thành L và chị Nguyễn Thị N số tiền còn lại là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, bị hại xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dụng vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Mặc dù lúc đầu bị cáo Đỗ Thị Vân A quanh co không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên qua đấu tranh tại phiên toà bị cáo chỉ thừa nhận sau khi nhận tiền của anh L 350.000.000 đồng, bị cáo không dùng tiền đó đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh L, mà dùng số tiền đó để thanh toán tiền mua hàng, phí giao hàng và trả nợ cho các cá nhân khác. Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra; lời khai người bị hại, lời khai

người làm chứng phù hợp kết quả sao kê ngân hàng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Đỗ Thị Vân A đã được bị hại Nguyễn Thành L cung cấp thông tin đầy đủ về tình trạng thửa đất vướng mắc về pháp luật không làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Đỗ Thị Vân A vẫn đưa ra thông tin gian dối về các mối quan hệ xã hội và cam kết vào tháng 09/2022 sẽ xong được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh L, để anh L, chị N tin tưởng chuyển cho Đỗ Thị Vân A số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu) đồng. Sau khi nhận được tiền của gia đình anh L chị N, Đỗ Thị Vân A không liên hệ với bất cứ ai, không làm bất cứ việc gì có liên quan đến cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã hứa mà sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân, đến nay không có khả năng thanh toán cho anh L, chị N. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo chưa khẩn khai báo, mà chỉ bồi thường một phần nhỏ cho bị hại được 30.000.000 đồng trên tổng số 350.000.000 đồng, còn số tiền 20.000.00 đồng do anh Phạm Văn Hùng (chồng cũ bị cáo) bồi thường thay cho bị cáo, nhưng bị cáo không có tác động. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Bố, mẹ bị cáo được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến chống Mỹ, nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác gây mất trật tự xã hội, nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo cần bắt bị báo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng bị cáo không có

nghề nghiệp, thu nhập ổn định, chưa xác minh được bị cáo có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh L và chị N số tiền 350.000.000 đồng, bị cáo và anh Hùng đã bồi thường cho bị hại 50.000.000 đồng. Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 300.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 300.000.000 đồng.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

[10] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm a, khoản 3 Điều 174, Điều 38; điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Vân A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xử phạt: Đỗ Thị Vân A 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù, tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1, Điều 584, Khoản 1, Điều 585, Khoản 1, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Đỗ Thị Vân A phải bồi thường cho Anh Đỗ Thành L và chị Nguyễn Thị N số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 357, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Đỗ Thị Vân A phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000đ (mười năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Đông Hải, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thường